

**BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP**

Số: 181/TCT-QĐHĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 174/TCT-NQĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Viglacera - CTCP ngày 27/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp số 482/TCT-BBĐHĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP ngày 13/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera – CTCP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quy chế trước đây của Tổng công ty Viglacera – CTCP quy định về quản trị công ty, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, Trưởng các phòng/ban, Giám đốc, Trưởng các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- BKS.TCT;
- Lưu: HĐQT, VP TCT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Tuấn

**BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**



VIGLACERA

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo.....	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt	5
Điều 4. Trách nhiệm pháp lý của HĐQT.....	5
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động và ra quyết định của HĐQT, Thường trực HĐQT	5
CHƯƠNG II – CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT.	6
Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị	6
Điều 7. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 8. Thường trực HĐQT	7
Điều 9. Bộ máy giúp việc của HĐQT	7
CHƯƠNG III - TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH, MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT	8
Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	8
Điều 11. Quy trình, thủ tục bầu thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 12. Không còn tư cách thành viên HĐQT	9
Điều 13. Cách thức thay thế thành viên HĐQT.....	10
CHƯƠNG IV - NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT, CHỦ TỊCH HQUYT, PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT	10
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.....	10
Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường.....	11
Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng quản trị	11
Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	11
Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT	11
Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT.....	12
CHƯƠNG V - CHẾ ĐỘ HỌP VÀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT	12
Điều 21. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Thường trực HĐQT.....	12
Điều 22. Cơ chế kiểm soát hoạt động của Thường trực HĐQT	16
CHƯƠNG VI - CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, PHÂN CẤP ỦY QUYỀN CỦA HĐQT	17
Điều 23. Chế độ làm việc của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT	17
Điều 24. Trình báo cáo hằng năm.....	17
Điều 25. Thủ lao và chi phí hoạt động	17
Điều 26. Phân cấp, ủy quyền của HĐQT	17

CHƯƠNG VII - MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HĐQT.....	18
Điều 28. Nguyên tắc phối hợp giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên	18
Điều 29. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	18
Điều 30. Mối quan hệ giữa HĐQT, Thường trực HĐQT với Ban Kiểm soát	19
Điều 31. Mối quan hệ giữa HĐQT, Thường trực HĐQT với Ban Tổng Giám đốc	19
Điều 32. Mối quan hệ giữa HĐQT, Thường trực HĐQT với các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, các Đơn vị phụ thuộc, Trường cao đẳng và Viện nghiên cứu và phát triển	19
CHƯƠNG VIII - TỔ CHỨC THỰC HIỆN	19
Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	19
Điều 34. Hiệu lực	20

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế này được ban hành kèm theo Quyết định số 181/TCT-QĐHĐQT ngày 13/5/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera – CTCP trên cơ sở Nghị quyết số 174/TCT-NQĐHCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Viglacera – CTCP.

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc, chế độ hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc của Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Tổng công ty Viglacera - CTCP và các quy định hiện hành của pháp luật. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ đề xuất điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Quy chế này phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty và quy định của pháp luật từng thời kỳ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị, Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, các Tiểu ban/Bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”).
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (gọi tắt là “Luật Chứng khoán”).
3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP.
6. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Viglacera - CTCP.
7. Các tài liệu liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

1. Ban điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, các Phó tổng Giám đốc (số lượng do HĐQT quyết định), Kế toán trưởng.
2. Ban Tổng Giám đốc: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP.
4. Phó Chủ tịch HĐQT: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP.
5. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Viglacera - CTCP.
6. Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Viglacera - CTCP.
7. VIGLACERA/ Tổng công ty/TCT: Tổng công ty Viglacera - CTCP.
8. HĐQT: Hội đồng quản trị của Tổng công ty Viglacera - CTCP.
9. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.
10. Quy chế nội bộ về quản trị công ty: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Viglacera - CTCP.
11. Thành viên HĐQT: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP.
12. Thường trực HĐQT: Là cơ quan thường trực của HĐQT, do Hội đồng quản trị bầu trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản trị từng thời kỳ.
13. Người điều hành Thường trực HĐQT: là đầu mối phụ trách hoạt động của Thường trực HĐQT, do HĐQT bầu.

Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm pháp lý của HĐQT

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 153 Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động và ra quyết định của HĐQT, Thường trực HĐQT

1. HĐQT, Thường trực HĐQT tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của Tổng công ty.
2. HĐQT, Thường trực HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về

các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Thường trực HĐQT đối với sự phát triển của TCT.

3. Cơ chế hoạt động của HĐQT

- a. HĐQT có quyền thực hiện phân cấp trong hoạt động, theo đó, có sự phân công, phân quyền rõ ràng theo các cấp: HĐQT, Thường trực HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT.
 - b. HĐQT, Thường trực HĐQT được quyền phân công bằng văn bản cho mỗi thành viên HĐQT phụ trách một/một số lĩnh vực hoặc công việc. Các thành viên HĐQT được phân công có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Thường trực HĐQT về kết quả thực hiện các công việc được giao.
 - c. Tùy từng thời kỳ, HĐQT tiến hành phân quyền hạn mức phê duyệt cho các cấp trong HĐQT, TGD đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty nhằm tạo điều kiện cho việc vận hành và ra quyết định được nhanh chóng, hiệu quả và có kiểm soát.
4. HĐQT, Thường trực HĐQT quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của mình theo nguyên tắc mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. HĐQT, Thường trực HĐQT quyết định theo đa số thành viên có mặt và có quyền biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 29 và khoản 8 Điều 32 của Điều lệ; trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về bên có phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT.
5. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc và/hoặc các cá nhân có liên quan khác tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của HĐQT.
6. HĐQT có thể phân quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của HĐQT trong thời gian HĐQT không tổ chức cuộc họp. Nội dung phân quyền này phải được xác định rõ ràng, cụ thể.

CHƯƠNG II – CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu tổ chức của HĐQT:
 - a. Toàn bộ các thành viên HĐQT
 - b. Thường trực HĐQT
 - c. Chủ tịch HĐQT
 - d. Phó chủ tịch HĐQT

e. Các Tiểu ban/Bộ phận trực thuộc HĐQT

2. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch HĐQT và một hoặc một số thành viên khác của HĐQT làm Phó Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quá bán. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 7. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành phần của HĐQT được quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Điều lệ Tổng Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Điều lệ Tổng Công ty và theo quy định của pháp luật.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế này.

Điều 8. Thường trực HĐQT

1. HĐQT có thể cử ra Thường trực HĐQT làm việc toàn thời gian tại TCT để thường xuyên nắm tình hình hoạt động và xử lý các vấn đề được giao.
2. Thành phần của Thường trực HĐQT: Theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT: Theo quyết định phân công của HĐQT từng thời kỳ.

Điều 9. Bộ máy giúp việc của HĐQT

1. Bộ máy giúp việc của HĐQT bao gồm Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Ban thư ký, Hội đồng nghiên cứu phát triển và các chức danh cá nhân hoặc bộ phận khác do HĐQT quyết định từng thời kỳ. HĐQT chỉ định nhân sự của các Bộ máy giúp việc này. Tùy điều kiện thực tế và nhu cầu công việc, HĐQT quyết định số lượng nhân sự của Bộ máy giúp việc của HĐQT. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
2. Ban thư ký HĐQT:
 - a. Ban Thư ký gồm: một (01) Trưởng ban (có thể do Người phụ trách quản trị Tổng Công ty kiêm nhiệm) và các thành viên làm việc độc lập hoặc kiêm nhiệm. Số lượng thành viên Ban Thư ký do HĐQT quyết định.
 - b. Trưởng Ban Thư ký phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban theo từng lĩnh vực. Ban thư ký HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Viglacera và các văn bản nội bộ khác do Tổng Công ty ban hành từng thời kỳ.

- c. Mọi công văn, giấy tờ gửi cho HĐQT Ban thư ký HĐQT có trách nhiệm theo dõi việc xử lý văn bản được gửi tới cho HĐQT, Thường trực HĐQT và thông báo cho các đơn vị liên quan việc tổ chức thực hiện.
3. Hội đồng nghiên cứu và phát triển
- a. Hội đồng nghiên cứu và phát triển gồm các thành viên là những người có chuyên môn, trình độ, kinh nghiệm và uy tín trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của Tổng công ty, có thể không phải là người lao động, làm việc trong Tổng công ty. Số lượng thành viên Hội đồng nghiên cứu và phát triển do HĐQT quyết định.
- b. Nhiệm vụ của Hội đồng nghiên cứu và phát triển như sau: Tư vấn xây dựng chiến lược phát triển chung toàn Tổng công ty; tư vấn khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản lý cụ thể theo từng chuyên đề, lĩnh vực, đơn vị; tư vấn các vấn đề khác khi HĐQT có nhu cầu.
4. Tùy tình hình thực tế, HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài nhưng phải bảo đảm số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
5. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu nhân sự, lương thưởng và các lợi ích khác của Bộ máy giúp việc cho HĐQT tại Điều này do HĐQT quy định và được tính vào chi phí của Tổng công ty theo quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III - TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH, MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Tiêu chuẩn và điều kiện:

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

2. Thành viên HĐQT không điều hành và thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 56 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 11. Quy trình, thủ tục bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện theo khoản 6, 7, 8 Điều 25 của Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định của pháp luật.
2. Việc thông báo về kết quả bầu thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 12. Không còn tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
 - b. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc biểu quyết.
5. Việc bãi miễn, miễn nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố ra công chúng theo pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 13. Cách thức thay thế thành viên HĐQT

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, thì Phó Chủ tịch tạm thời điều hành công việc của HĐQT. Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên HĐQT trong số các thành viên còn lại (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch HĐQT. Việc bổ sung thêm thành viên vào HĐQT (do Chủ tịch HĐQT bị mất tư cách thành viên) được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.
2. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT muốn từ chức thì phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT mới trong số các thành viên còn lại (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành).
3. Thành viên HĐQT muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT. Sau khi nhận đơn từ chức, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 4 Điều này và Điều lệ Tổng Công ty.
4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT.
5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

CHƯƠNG IV - NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT, CHỦ TỊCH HĐQT, PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

Thực hiện theo quy định của Điều 26 Điều lệ Tổng công ty, các Quy chế của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

HĐQT bảo đảm quyết định, phê duyệt kịp thời, không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của TCT.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Thực hiện theo quy định của Điều 37 Điều lệ Tổng công ty, các Quy chế của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ TCT.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ TCT.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị được thay mặt Hội đồng quản trị thường xuyên nắm tình hình hoạt động của Tổng công ty, quyết định bằng văn bản các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về công việc được giao, ủy quyền;
2. Thành viên Thường trực Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn để báo cáo hoặc cùng đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị ra quyết định;
3. Thường trực HĐQT bảo đảm quyết định, phê duyệt kịp thời, không làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của TCT; trong trường hợp Thường trực HĐQT không thống nhất được, không giải quyết kịp thời ảnh hưởng đến tiến độ công việc thì phải báo cáo HĐQT xem xét quyết định, phê duyệt;
4. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị quy định từng thời kỳ.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 27 Điều lệ TCT, các Quy chế của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT

1. Phó Chủ tịch HĐQT được thực hiện thay nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều 27 Điều lệ TCT, các Quy chế của Tổng công ty.
2. Phó Chủ tịch HĐQT có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:
 - Thay mặt Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT và làm chủ tọa cuộc họp khi được Chủ tịch HĐQT phân công;

- Ký các thông báo, biên bản họp, nghị quyết, quyết định, thông báo và các văn bản khác của HĐQT khi thực hiện thay công việc của Chủ tịch HĐQT theo phân công, ủy quyền của HĐQT hay Chủ tịch HĐQT;
- Đầu mỗi phụ trách một số công việc cụ thể của Thường trực HĐQT theo phân công của HĐQT;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT và pháp luật về công việc được giao, ủy quyền;
- Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy những điều đó trái với pháp luật và Điều lệ Tổng công ty hoặc không đủ các điều kiện để thực hiện công việc được ủy quyền;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Khi thực hiện xong các công việc quy định tại khoản này, Phó Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thông báo về kết quả thực hiện công việc tại kỳ họp HĐQT gần nhất.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT một cách trung thực vì lợi ích của Tổng công ty, theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, quyết định của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng công ty, quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của HĐQT, Thường trực HĐQT.

Các thành viên HĐQT có trách nhiệm đăng ký địa chỉ email giao dịch chính thức để giải quyết công việc.

Điều 21. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty. Thành viên HĐQT phải bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp.
2. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Thường trực HĐQT, thành viên HĐQT khác được HĐQT phân công/ủy quyền cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình, kết quả thực hiện các công việc mà Thường trực HĐQT, thành viên HĐQT khác được giao.
3. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

CHƯƠNG V - CHẾ ĐỘ HỌP VÀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT, THƯỜNG TRỰC HĐQT

Điều 22. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Thường trực HĐQT

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT:

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT thì cuộc họp đầu tiên của HĐQT để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch HĐQT hoặc Người điều hành Thường trực HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, Thường trực HĐQT, lập chương trình nghị sự, thông báo thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến.

- a. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp HĐQT bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần vào ngày mà chủ tịch HĐQT cho là thích hợp nhưng chậm nhất không được quá ngày 25 của tháng ngay sau kết thúc quý; trường hợp cần thiết Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập mỗi tháng một (01) lần.
- b. Người điều hành Thường trực HĐQT có thể triệu tập họp Thường trực HĐQT bất kỳ khi nào thấy cần thiết hoặc theo đề xuất về nội dung họp của Tổng Giám Đốc hoặc Thành viên Thường trực HĐQT hoặc Trưởng ban Kiểm soát khi một trong số các đối tượng này đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn.

3. Các cuộc họp bất thường:

Các cuộc họp HĐQT bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ TCT.

4. Trách nhiệm triệu tập họp:

Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

6. Địa điểm họp:

Các cuộc họp HĐQT, Thường trực HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT hoặc Người điều hành Thường trực HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT, Thường trực HĐQT.



7. Thông báo và chương trình họp HĐQT, Thường trực HĐQT:

Thực hiện theo khoản 7 Điều 29 Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

8. Số thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT tham dự họp:

Thực hiện theo khoản 8 Điều 29 Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp không trực tiếp dự họp, Thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số quá bán thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT chấp thuận.

9. Khách mời:

Thực hiện theo quy định tại khoản 18 Điều 29 Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

10. Biểu quyết:

a. Việc biểu quyết của các thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT thực hiện theo khoản 13 Điều 29 của Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b. Thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT, Thường trực HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT, Thường trực HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

c. Biểu quyết đa số:

HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên có mặt (trên 50%) và có quyền biểu quyết, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Khoản 10 Điều 29, khoản 8 Điều 32 và các quy định khác tại Điều lệ TCT. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về bên có phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT.

11. Thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp quy định tại khoản 11 Điều 29 của Điều lệ TCT.

12. Các hình thức họp khác

Thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 29 của Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

- 13.** Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị) phải được gửi cho Ban thư ký HĐQT, Thường trực HĐQT chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/không đồng ý/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành Thường trực HĐQT và đại diện Ban thư ký Hội đồng quản trị.

14. Hình thức thông qua quyết định của HĐQT, Thường trực HĐQT:

HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền theo một trong các phương thức sau:

- a. Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT phân công) hoặc Người điều hành Thường trực HĐQT tổ chức họp HĐQT, Thường trực HĐQT để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ;
- b. Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT phân công) hoặc Người điều hành Thường trực HĐQT gửi dự thảo Nghị quyết/Quyết định/Biên bản và các văn bản khác của HĐQT tới từng thành viên Hội đồng quản trị, Thường trực HĐQT để ký xác nhận thông qua;
- c. Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT (trong trường hợp được Chủ tịch HĐQT phân công) hoặc Người điều hành Thường trực HĐQT tổ chức lấy ý kiến của thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT bằng văn bản sau đó ban hành Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, Thường trực HĐQT về vấn đề được thông qua;

Nghị quyết/Quyết định/Biên bản và các văn bản khác được ban hành trong các trường hợp nêu trên đều có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

- 15.** Trừ các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 29 và khoản 8 Điều 32 của Điều lệ TCT, quyết định của HĐQT, Thường trực HĐQT được thông qua khi:

- a. Được đa số thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT có mặt tại cuộc họp và có quyền biểu quyết có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định;
- b. Được đa số thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT có quyền biểu quyết ký xác nhận dự thảo Nghị quyết/Quyết định/Biên bản và các văn bản khác của HĐQT. Trường hợp số thành viên có quyền biểu quyết ký xác nhận bằng số thành viên có quyền biểu quyết không ký xác nhận, ý kiến của Chủ tịch HĐQT là ý kiến quyết định;
- c. Được đa số thành viên HĐQT, Thường trực HĐQT có quyền biểu quyết gửi ý kiến tán thành bằng văn bản. Trường hợp ý kiến tán thành và ý kiến không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch HĐQT là ý kiến quyết định.

16. Biên bản họp HĐQT, Thường trực HĐQT: thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 29 của Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Cơ chế kiểm soát hoạt động của Thường trực HĐQT

- 1. Thành viên Thường trực HĐQT chủ động trong việc xem xét và ra quyết định đối với những vấn đề được HĐQT ủy quyền theo quy định về phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT trong từng thời kỳ.
- 2. Đối với những vấn đề ngoài phạm vi được giao cho cá nhân từng thành viên như quy định tại Khoản 1 Điều này, Thường trực HĐQT phải tiến hành họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến các thành viên Thường trực HĐQT bằng văn bản/email để quyết định.
- 3. Phạm vi các vấn đề được ủy quyền như quy định tại Khoản 1 Điều này có thể được xem xét lại nếu có đề nghị của Chủ tịch HĐQT/Người điều hành Thường trực HĐQT.
- 4. Trường Ban Kiểm soát được quyền có ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực HĐQT, thành viên Thường trực HĐQT.
- 5. Trường ban/thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia các cuộc họp của Thường trực HĐQT để thực hiện chức năng kiểm soát hoạt động của HĐQT, được phát biểu tại cuộc họp nhưng không được tham gia biểu quyết.
- 6. Thường trực HĐQT thiết lập cơ chế trao đổi thông tin với các thành viên còn lại của HĐQT để đảm bảo các thành viên này nắm được các thông tin liên quan đến tình hình quản trị và hoạt động của Tổng công ty, cụ thể như sau:
 - a. Thường trực HĐQT báo cáo lại HĐQT bằng văn bản tại các kỳ họp gần nhất của HĐQT về các công việc đã tiến hành.
 - b. Thường trực HĐQT gửi ngay các quyết định để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐQT bằng email đến các thành viên HĐQT còn lại.

CHƯƠNG VI - CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, PHÂN CẤP ỦY QUYỀN CỦA HĐQT

Điều 24. Chế độ làm việc của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT bố trí lịch làm việc theo từng thời kỳ, bao gồm lịch họp HĐQT, lịch họp Thường trực HĐQT, lịch họp thành viên HĐQT và thông báo cho các thành viên HĐQT và Ban thư ký HĐQT thực hiện.
2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu các cá nhân, bộ phận có liên quan tại VIGLACERA và các công ty thành viên cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan và phối hợp thực hiện.
3. HĐQT sẽ sử dụng các nhân sự, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 25. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 26. Thù lao và chi phí hoạt động

Thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 26 của Điều lệ TCT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Phân cấp, ủy quyền của HĐQT

1. HĐQT có quyền phân cấp, ủy quyền bằng văn bản những hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT có liên quan đến điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc trong những trường hợp HĐQT thấy cần thiết. Việc phân cấp, ủy quyền này tuân theo các quy định về thông qua quyết định của HĐQT.

2. Đối với những trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT, các cấp phê duyệt của HĐQT theo phân cấp/ủy quyền cụ thể như sau:
 - a. Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền được giao, Tổng Giám đốc trình HĐQT, các cấp phê duyệt của HĐQT theo phân cấp/ủy quyền quyết định xử lý thông qua Người phụ trách quản trị TCT.
 - b. Người phụ trách quản trị TCT có trách nhiệm báo cáo đúng cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của HĐQT và thông báo kết quả phê duyệt của HĐQT, các cấp phê duyệt của HĐQT theo phân cấp/ủy quyền (Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác) để làm cơ sở cho Tổng Giám Đốc triển khai thực hiện.

Điều 28. Công khai các lợi ích liên quan

Thành viên HĐQT phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 Điều lệ.

CHƯƠNG VII - MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HĐQT

Điều 29. Nguyên tắc phối hợp giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định tại Điều lệ TCT và của pháp luật có liên quan.

Điều 30. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.



Điều 31. Mối quan hệ giữa HĐQT, Thường trực HĐQT với Ban Kiểm soát

1. Quan hệ giữa HĐQT, Thường trực HĐQT và Ban Kiểm soát là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát, kiểm tra tính tuân thủ, tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản trị doanh nghiệp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT, Thường trực HĐQT và Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Việc phối hợp giữa HĐQT, Thường trực HĐQT với Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định tại Điều 29 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy định tại Điều lệ TCT và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Mối quan hệ giữa HĐQT, Thường trực HĐQT với Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện theo các quy định tại Điều 27, 28 của Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy định tại Điều lệ TCT và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 33. Mối quan hệ giữa HĐQT, Thường trực HĐQT với các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, các Đơn vị phụ thuộc, Trường cao đẳng và Viện nghiên cứu và phát triển

Thực hiện theo các quy định tại Điều 39, 40 của Điều lệ TCT và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VIII - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, các thành viên HĐQT có thể đề xuất lên HĐQT để xem xét và HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định sửa đổi.
2. Trong trường hợp các quy định của Điều lệ Tổng công ty liên quan đến HĐQT thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Tổng công ty.
3. Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động HĐQT nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định nội bộ khác.
4. Quyết định điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế này sẽ có hiệu lực khi được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT có trách nhiệm ban hành các sửa đổi, bổ sung Quy chế này sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 35. Hiệu lực

1. Quy chế này được soạn thảo trên cơ sở Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký.
3. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban TCT, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc, Người đại diện phần vốn của TCT tại các Công ty con, Công ty liên kết chịu trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Tuấn